

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2021/HNGĐ-ST

Ngày 25-6-2021

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Vững
Ông Đào Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Jét – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021, về việc: “Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 303/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Huỳnh Thị Th, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp M, xã Q, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Lê Văn T, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Ấp M, xã Q, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

(Chị Thủy có mặt, anh Tỏ có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Th trình bày: Chị và anh T cưới nhau năm 1995 và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/10/2014. Thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau không hạnh phúc, thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi, làm cho không khí trong gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Nay nhận thấy hôn nhân không còn níu kéo được nữa, chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn T.

- Về quan hệ nuôi con: Có hai con chung tên Lê Huỳnh Tuấn C, sinh ngày 01/01/1996 và Lê Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 21/3/2006. Tuấn C đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng Tuấn K, chị yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về quan hệ tài sản: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Lê Văn T trình bày: Chị Th và anh cưới nhau năm 1995, có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống có nhiều mâu thuẫn, thường

xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Nay chị Th yêu cầu ly hôn tại Tòa án, anh không đồng ý ly hôn, vì anh còn thương vợ, thương con.

- Về quan hệ nuôi con: Thống nhất với lời trình bày của chị Thủy, giữa anh và chị Thủy có hai con chung tên Lê Huỳnh Tuấn C, sinh ngày 01/01/1996 và Lê Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 21/3/2006, hiện Tuấn C đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng đối với Tuấn K, anh đồng ý giao Tuấn K cho chị Th nuôi dưỡng, không cấp dưỡng theo quy định, có nhiều anh sẽ cho nhiều, có ít anh sẽ cho ít.

- Về quan hệ tài sản: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bên cạnh đó, bị đơn anh Lê Văn T hiện đang cư trú tại ấp M, xã Q, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định của pháp luật bị đơn anh Lê Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa sơ thẩm. Nhưng anh Lê Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Lẽ ra, hai bên phải biết yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, giữ gìn hạnh phúc gia đình, nhưng trái lại chị Th, anh T không tôn trọng tình cảm đã có, anh T không quan tâm, chăm sóc chị Th dẫn đến mâu thuẫn xảy ra. Hơn nữa, chị Th và anh T không có giải pháp tích cực để hàn gắn tình cảm, điều đó chứng minh đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Lê Văn T có đơn xin vắng mặt, anh giữ quan điểm tại tờ tự khai ngày 24/5/2021 và biên bản hòa giải ngày 24/5/2021 là anh vẫn còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, thực tế anh T lại không thẳng thắn nhìn nhận vấn đề trong hôn nhân và không có biện pháp, cũng như động thái tích cực để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Th. Điều này thể hiện tinh thần thiếu trách nhiệm của anh T đối với hôn nhân của mình, anh không có thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn gia đình và hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị Thủy về việc được ly hôn với anh Lê Văn T là có căn cứ.

- [3] Về quan hệ nuôi con: Chị Th và anh T thống nhất có hai con chung tên Lê Huỳnh Tuấn C, sinh ngày 01/01/1996 và Lê Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 21/3/2006, hiện Tuấn C đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng đối với Tuấn K, anh T và chị Th thống nhất giao Tuấn Kiệt cho chị Th nuôi dưỡng, không cấp dưỡng theo quy định, có nhiều anh cho nhiều có ít anh cho ít. Bên cạnh đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc từ trước đến nay Tuấn K vẫn đang sống cùng chị Th tại căn nhà tọa lạc tại ấp M, xã Q và việc Tuấn K có nguyện vọng muốn sống cùng mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Điều này cho thấy, dưới sự chăm sóc của chị Th thì Tuấn K đã có một môi trường sống và học tập ổn định. Bên cạnh đó, xét về mặt kinh tế thì chị Th hiện có thu nhập ổn định 6.000.000đ/ tháng từ việc làm thuê đã đủ điều kiện để tiếp tục nuôi con chung theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Nên yêu cầu của chị Th về việc tiếp tục nuôi con chung tên Tuấn K, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về quan hệ tài sản: Theo lời trình bày của chị Th và nội dung trình bày của anh T tại Biên bản hòa giải ngày 24/5/2021 thì anh, chị thống nhất không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[5] Về nợ chung: Theo lời trình bày của chị Th và nội dung trình bày của anh T tại Biên bản hòa giải ngày 24/5/2021 thì anh, chị thống nhất không có nợ ai, không có ai nợ anh, chị và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6] Về án phí: Chị Huỳnh Thị Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011677 ngày 07/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Chị Huỳnh Thị Th đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Lê Văn T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị Th. Cho chị Huỳnh Thị Th và anh Lê Văn T ly hôn.

- Về quan hệ nuôi con: Chị Huỳnh Thị Th được quyền nuôi dưỡng con chung tên Lê Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 21/3/2006, chị Th không yêu cầu anh

Lê Văn T cấp dưỡng. Riêng Lê Huỳnh Tuấn C, sinh ngày 01/01/1996, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Huỳnh Thị Th và anh Lê Văn T có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Anh Lê Văn T có quyền thăm nom con mà không ai cản trở. Nếu anh Lê Văn T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Huỳnh Thị Th có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Lê Văn T.

- Về quan hệ tài sản: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị Huỳnh Thị Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011677 ngày 07/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Chị Huỳnh Thị Th đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Lê Văn T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS Huyện;
- Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án, (Diệu).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Diệu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Vững - Nguyễn Văn Tuấn

Nguyễn Thị Ngọc Diệu

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS Huyện;
- Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án, (Diệu).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Diệu